TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-3-2024.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa.**

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Trần Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/02/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số A, đường P, khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh L.

*Bị đơn: Đặng Văn Chí T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L trình bày**:

Tôi và anh Đặng Văn Chí T sống chung với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/02/2006. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, nay tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn Chí T.

Về con chung: có 02 con chung gồm:

+ Đặng Tấn L, sinh ngày 04/02/2006.

+ Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021.

Hiện nay cả 02 con chung đang sống chung với tôi, khi ly hôn tôi yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi 02 chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Văn Chí T vắng mặt, anh T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L với anh T. Về con chung: Giao cháu Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 04/02/2006 đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra xét xử đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ L có đơn xin vắng mặt xét xử, bị đơn anh Đặng Văn Chí T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L, anh T.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ L và anh Đặng Văn Chí T sống chung với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Bình, huyện G, tỉnh T vào 24/02/2006. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị L và anh T đã không thể hàn gắn lại tình cảm với nhau. Anh T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến cho thấy anh T đã không có thiện chí mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị L. Do đó, việc chị L yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Về con chung: Đối với cháu Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 hiện nay đang sống chung với chị L, do chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng nên việc chị Linh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do chị L không yêu cầu anh Tâm cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 nên anh Tâm không phải cấp dưỡng nuôi cháu Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021.

Đối với cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 04/02/2006 tính đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra giải quyết đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ L.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ L được ly hôn với anh Đặng Văn Chí T.

- Về con chung: Giao con chung Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 cho chị Trần Thị Mỹ L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 tròn 18 tuổi, lao động được.

Anh Đặng Văn Chí T không phải cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Tấn V, sinh ngày 12/12/2021 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Đối với cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 04/02/2006 tính đến thời điểm tòa án đưa vụ án ra giải quyết đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0009134 ngày 18/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh T nên xem như chị L đã nộp xong án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã L, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh